

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày 30-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lầu

Bà Nông Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thời - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 28/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 10/9/2020 đối với:

Bị cáo **Hoàng Văn H**, sinh ngày 06 tháng 6 năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1946 và bà Hoàng Thị P, sinh năm 1949; Vợ: Ma Thị H, sinh năm 1989; Con: Có 03 (Ba) con, con cả sinh năm 1997, con út sinh năm 2017

Tiền án: 02 (Hai) tiền án: Ngày 15/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày 15/5/2018 về tội Đánh bạc; Ngày 25/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: 01 (Một) tiền sự, ngày 21/8/2019 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác.

Nhân thân: Không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Quyết định thi hành án hình phạt tù số 21/2020/QĐ-CA ngày 28/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: Ông Triệu Văn N, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm T, xã SS, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do)

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Ma Thị H1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm V, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt, không có lý do)

- Ông Đặng Văn G, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do)

* *Người làm chứng*: Ông Tạ Văn S, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Xóm K, xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019 (Không nhớ rõ ngày) Triệu Văn N và Tạ Văn S điều khiển xe máy Honda Blade màu trắng đen, biển kiểm soát 88E1 - 23918 của N từ huyện P, tỉnh Bắc Kạn đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Mục đích của N và S đến thị trấn B để đến nhà Ma Thị H1 là vợ của Hoàng Văn H gửi xe máy, còn N và S đi Trung Quốc làm thuê. Tại nhà của H1, N trực tiếp trao đổi với H1 và đưa giấy tờ xe máy cho H1 giữ, không trao đổi với H. N và S ngủ qua đêm tại nhà của H; Khoảng 01 giờ sáng ngày hôm sau thì N và S đi Trung Quốc làm thuê. Trong thời gian N gửi xe, H1 và H có sử dụng xe máy này để làm phương tiện đi lại. Khoảng 20 ngày sau H1 đi Trung Quốc làm thuê, trước khi đi H1 không giao xe máy của N cho H quản lý và nhân H không được mang xe của N đi cầm cố vì H1 biết H sử dụng và lệ thuộc vào ma túy, H1 nói "Chìa khóa tao để trong phòng con L, mày mang xe đi cầm hay làm mất xe thì tao không tha cho mày đâu, tao đi báo Công an".

Ngày 09/01/2020 Hoàng Văn H điều khiển xe máy của N từ nhà tại Tổ dân phố 4 thị trấn B đến chợ trung tâm thị trấn B. Vì không có tiền nên H nảy sinh ý định và thực hiện hành vi lấy xe máy của N mà H đang sử dụng để đi cầm cố với Đặng Văn G với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền cầm cố xe máy có được, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 18/01/2020 N và S quay lại Việt Nam đến nhà H để lấy xe máy nhưng không thấy xe, S gọi điện cho H hỏi xe máy của N thì H nói H đã mang

xe máy đi cầm cố, H sẽ chuộc lại xe để trả N. Ngày hôm sau, N gọi điện thoại cho H thì H đã tắt máy, không liên lạc được.

Ngày 03/02/2020 Ma Thị H1 đến Công an trình báo về việc mất xe máy.

Ngày 05/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc ra Yêu cầu định giá tài sản số 03 gửi Hội đồng định giá tài sản huyện B, định giá 01 (Một) xe máy Honda Blade, màu trắng đen, biển kiểm soát 88E1-23918, số máy JA36E0539805, số khung 3642GY067949, đã qua sử dụng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 06/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Tài sản định giá có giá trị là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn H thừa nhận về hành vi phạm tội của mình: Lợi dụng vợ bị cáo là Ma Thị H1 không ở nhà, bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện đi lại. Trong một lần điều khiển xe máy bị cáo đã nảy sinh ý định và mang xe máy của ông N gửi vợ bị cáo để đi cầm cố với ông Đặng Văn G với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền cầm cố xe máy có được bị cáo tiêu sài cá nhân hết.

Quá trình điều tra ông Triệu Văn N trình bày: Ông biết bà H1 (vợ của H) qua người quen, do có nhu cầu đi Trung Quốc làm thuê đi qua thị trấn B, được giới thiệu liên hệ trước nên cuối tháng 10/2019 ông cùng Tạ Văn S đến gửi xe máy biển kiểm soát 88E1-23918 tại nhà bà H1 thuộc ổ dân phố 4, thị trấn B. Ông chỉ trao đổi gửi xe máy và đưa giấy tờ xe cho bà H1, không trao đổi với chồng bà H1. Khi đang làm thuê ở Trung Quốc thì ông gặp bà H1, ông hỏi bà H1 xe máy của ông để ở đâu thì H1 nói để ở nhà. Ngày 18/01/2020 ông và S quay về Việt Nam, đến nhà bà H1 thì không thấy xe máy, gọi điện cho bà H1 thì bà H1 nói xe máy H làm mất rồi, S gọi cho H thì H cũng bảo "Xe của em anh mang đi cầm rồi" và hẹn ngày 18/01/2020 sẽ trả xe máy. Cả ngày 19/01/2020 gọi H không được vì H đã tắt máy điện thoại. Hiện tại, ông đã nhận lại xe máy, không yêu cầu bồi thường, đề nghị xử lý H theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra bà Ma Thị H1 trình bày: Bà là vợ của bị cáo, bà quen biết S vì đi làm thuê cùng nhau, còn N thì bà mới quen do S giới thiệu. Khoảng tháng 10/2019 (không nhớ ngày) N và S đến nhà bà gửi xe máy của N để sang Trung Quốc làm thuê. N trực tiếp trao đổi và đưa giấy đăng ký mô tô xe máy là xe Honda Blade màu trắng đen, biển kiểm soát 88E1 - 23918 với bà. Trong thời gian N gửi xe máy, bà và chồng bà có sử dụng xe máy này làm phương tiện đi lại. Khoảng 20 ngày sau, bà đi làm thuê và mang theo giấy tờ xe máy của N, trước khi đi bà có nói với H không được mang xe đi cầm cố, nếu làm mất thì bà sẽ báo Công an. Bà nhắc H vì bà biết chồng bà sử dụng và lệ thuộc vào ma túy, H đã từng lấy xe máy của gia đình đi cầm cố. Trong thời gian bà đi làm thuê ở Trung Quốc, bà có gọi điện cho H để hỏi thăm con và nhắc H không được cầm cố xe máy của Nghì gửi. Khi bà ở Trung Quốc bà có gặp N và đưa giấy tờ xe cho N. Ngày 17/01/2020 S có gọi điện cho bà hỏi xe máy và nói không thấy xe máy, H đã làm mất xe. Ngày 18/01/2020 bà quay về nhà thì H đã thừa nhận đã lấy xe máy đi cầm cố. Ngày 05/02/2020 bà đến báo Công an huyện Bảo Lạc về việc H làm mất xe.

Trong quá trình điều tra ông Đặng Văn G trình bày: Khoảng cuối tháng 12/2019 hoặc đầu tháng 01/2020 ông không nhớ rõ, có Hoàng Văn H đến nhà ông muốn vay ông số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và để lại một chiếc xe máy Honda Blade có biển kiểm soát 88E1 - 23918 màu trắng đen làm vật đặt cọc. Do đã quen biết từ trước nên ông đồng ý. Lần đầu H lấy 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), lần hai lấy 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), lần ba lấy 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), không làm giấy tờ vay nợ. Ông không biết chiếc xe H cầm cố là xe do trộm cắp mà có, H nói xe của vợ. Sau đó do cần tiền cưới vợ cho con trai, đòi H mãi không được tiền ông đem xe máy đi cầm cố với ông Triệu Văn Nh trú tại xóm K, xã H, huyện B lấy số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Ông yêu cầu H trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã vay với ông.

Trong quá trình điều tra ông Tạ Văn S trình bày: Ông quen biết với bà H1 do cùng đi làm thuê, tháng 10/2019 ông và ông N đến nhà bà H1 tại thị trấn B gửi xe máy Honda Blade, biển kiểm soát 88E1 - 23918 của N với bà H1 để sang Trung Quốc làm thuê. Đến ngày 17/01/2020 ông và ông N đến nhà bà H1 thì không thấy xe điện thoại cho ông H chồng bà H1 thì ông H nói đã mang xe đi cầm, mai sẽ chuộc lại xe để trả lại. Hôm sau ông gọi người nhà đến đón, còn N ở lại chờ H trả lại xe máy.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 17/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn H theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị khung hình phạt đối với bị cáo từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt tại bản án số 14 ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đặng Văn G yêu cầu bị cáo trả lại cho ông G số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn H nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện B, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Hoàng Văn H thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm về hành vi trộm cắp tài sản do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp: Lợi dụng hoàn cảnh vợ bị cáo đi làm thuê nên không trực tiếp quản lý xe máy mà ông N chỉ nhờ gửi vợ bị cáo trông giữ hộ, bị cáo đã chiếm đoạt xe máy, mang xe máy đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài cá nhân; Hội đồng định giá tài sản kết luận giá trị của xe máy là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Hành vi của bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội của địa phương.

"Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ..."

Như vậy, hành vi của bị cáo Hoàng Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Hoàng Văn H sinh sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 15/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày 15/5/2018 về tội đánh bạc; Ngày 21/8/2019 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác; Ngày 25/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo đang chấp hành án tại bản án này.

Bị cáo là người có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng rèn luyện đạo đức, sử dụng và lệ thuộc vào ma túy, chỉ vì ham muốn lợi ích trước mắt, nên dẫn thân vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Đặng Văn G số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đối với số tiền ông Đặng Văn G nhận với ông Triệu Văn Nh do mang xe máy đi cầm cố thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 12 (Mười hai) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù tại bản án số 14/2020/HS-ST ngày 25/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 48 (Bốn mươi tám) tháng tù, tính từ ngày 20/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Hoàng Văn H bồi thường cho ông Đặng Văn G số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND thị trấn B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thùy Ngân